

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
XÃ ĐẮK MAN

Số: 51/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đăk Man, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ĐẮK MAN**  
**KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã huyện Đăk Glei về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 64 -NQ/ĐU, ngày 28-12-2023 của BCH Đảng bộ xã Đăk Man lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế- xã hội, quốc phòng an ninh và hệ thống chính trị năm 2024;*

*Xét Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã về việc đề nghị ban hành Nghị quyết phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023**

Năm 2023 là năm thứ ba, tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ VI và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2020 - 2025. Với tinh thần trách nhiệm cao của các cấp, các ngành và toàn dân, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục ổn định, phát triển đã đạt và vượt 28/32 chỉ tiêu theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND, ngày 30/12/2022 của HĐND xã; các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng, an sinh xã hội và giảm nghèo được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; trường lớp học được đầu tư ngày càng khang trang; chất lượng dạy và học được nâng lên; dịch bệnh được kiểm soát tương đối

ổn định; chất lượng khám bệnh, chữa bệnh được cải thiện; cải cách thủ tục hành chính được thực hiện mạnh mẽ; công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp được triển khai quyết liệt; kỷ luật, kỷ cương hành chính được chú trọng; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Tuy nhiên, vẫn còn một số chỉ tiêu chưa đạt<sup>1</sup>; Cải cách hành chính đạt kết quả trung bình, kết quả chuyển đổi số chưa cao; việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, sản phẩm chưa có giá trị cao; Vẫn còn tình trạng trông chờ ỷ lại Nhà nước chưa tự ý thức vươn lên thoát nghèo; Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm kỷ luật kỷ cương, nội quy quy chế của xã có lúc chưa thường xuyên chưa kịp thời.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nói trên chủ yếu là: Với đặc thù là một xã vùng cao đặc biệt khó khăn, trình độ của một bộ phận dân trí chưa cao; điều kiện khí hậu khắc nghiệt (lạnh và mưa nhiều), địa bàn đồi núi dốc, chủ yếu đất bạc màu dẫn đến quá trình canh tác sản xuất không hiệu quả, năng suất thấp; Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn cao, cơ sở hạ tầng còn thấp và chưa đồng bộ; việc tiếp cận với cải cách hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt... còn nhiều hạn chế. Năng lực tuyên truyền của cán bộ còn hạn chế chưa có sức lan tỏa, chưa tạo sự thay đổi tích cực trong bộ phận nhân dân; Công tác điều hành có lúc chưa kịp thời quyết liệt, công tác kiểm tra và xử lý tồn tại có lúc chưa kịp thời.

## **Điều 2. Về mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu năm 2024**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của xã; thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia; tăng cường cải cách hành chính. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và mức sống của Nhân dân; bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn; bảo đảm an sinh xã hội; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tăng trưởng xanh, chuyển đổi số. Đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp bộ máy phù hợp với năng lực trình độ của cán bộ. Giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống, không để bị động bất ngờ.

### **2. Chỉ tiêu chủ yếu năm 2024**

#### **2.1. Về kinh tế**

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 26,5 triệu đồng/người.

<sup>1</sup> . Diện tích cây mắc ca 16/18 ha; Tiêu chí NTM (đạt 9/10/19 TC); Tỷ lệ hộ nghèo còn 12,1% (KH giao tỷ lệ hộ nghèo còn 10,06%), hộ cận nghèo còn 25,18% (KH giao tỷ lệ hộ cận nghèo còn 22,8%)

- Phát triển thêm 01 HTX; Nâng tổng số HTX 02 hợp tác xã đảm bảo hoạt động có hiệu quả.

- Tổng diện tích gieo trồng một số cây trồng chính **668,7 ha**. Sản lượng lương thực có hạt **453,6 tấn** (thóc 444,2 tấn); Diện tích gieo trồng cây lương thực **111 ha**, trong đó: Lúa cả năm: **109 ha** (Vụ Đông Xuân: 42 ha, vụ mùa: 67 ha); Cây ngô cả năm: **2,1 ha** (Vụ đông xuân: 0,5 ha, vụ mùa: 1,6 ha); Cây sắn **104 ha**; rau đậu các loại: 4,9 ha; Cây lâu năm: **346,1 ha** (trong đó: Cây cà phê: 307,9 ha (trồng mới: 35 ha), Cây ăn quả: 18,2 ha (trồng mới: 3 ha), Cây Mắc ca: 20 ha (trồng mới: 4 ha); Cây dược liệu: **99,5 ha** (Trong đó: Sâm Ngọc Linh: 2.0 ha (trồng mới 1,5 ha); cây

dược liệu khác đến cuối năm 2023 là: **74,9 ha**).

- Tổng đàn có 1.232 con (Trong đó: Trâu: 160 con; Bò: 552 con; Heo: 371 con; Dê: 149 con).

- Thủy sản: 1,7 ha (trong đó: Diện tích ao hồ nhỏ 1,5 ha; diện tích nuôi mặt nước lớn 0,2 ha). Tổng sản lượng 1,4 tấn (trong đó: nuôi trồng 0.5 tấn; khai thác thủy sản 0,9 tấn).

- Trồng mới 12 ha rừng; tỷ lệ che phủ rừng dự kiến đạt 86,7%.

- 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường.

## **2.2 Về văn hóa - xã hội và môi trường**

- Dân số trung bình năm 2024 khoảng 1.418 người.

- Dạy nghề lao động nông thôn khoảng 35 người.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2021-2025 giảm còn 6,25%.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở chuyển sang học nghề 30%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi) giảm xuống 25%.

- Tỷ lệ thôn, làng đạt danh hiệu văn hóa đạt 100%; Hộ gia đình văn hóa đạt 75%.

- Tỷ lệ hộ gia đình ở khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số có đất ở đạt 85.61 %.

- Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số có đất sản xuất đạt 100%.

## **2.3. Về quốc phòng, an ninh:**

- Vận động thanh niên khám tuyển nghĩa vụ quân sự và lên đường nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu giao; Tổ chức huấn luyện dân quân đạt loại khá trở lên.

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4 đạt 100%.

- 100% đạt tỷ lệ thôn đội trưởng, tiểu đội trưởng dân quân thường trực là

đạt 100% chỉ tiêu giao; Tổ chức huấn luyện dân quân đạt loại khá trở lên.

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4 đạt 100%.

- 100% đạt tỷ lệ thôn đội trưởng, tiểu đội trưởng dân quân thường trực là Đảng viên.

- 100% tỷ lệ thôn, làng vững mạnh về phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ; thôn, làng đạt an ninh trật tự.

- Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đạt 100%

**2.4. Các chỉ tiêu khác:** Tại phụ lục chi tiết kèm theo, phần đầu hoàn thành ở mức cao nhất.

### **Điều 3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội lần thứ VI Đảng bộ xã và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2020- 2025, Hội đồng nhân dân xã nhấn mạnh một số nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Tiếp tục thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế được đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã và Nghị quyết HĐND xã.

2. Thực hiện có hiệu quả công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao; củng cố nâng cao chất lượng, năng suất cây trồng như cây lúa nước, cà phê, cây dược liệu. Quản lý khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi đảm bảo tưới tiêu cho diện tích cây trồng trên địa bàn; tiếp tục phát triển cây trồng lâu năm khác như cây ăn quả cây cà phê, chè xanh của người dân tại địa bàn. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng hợp lý, xen canh, thâm canh phù hợp.

3. Đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ gia đình; vận động Nhân dân chủ động phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Tập trung trồng cỏ, chăn nuôi có chuồng trại.

4. Tập trung nguồn lực thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia; chú trọng chương trình xây dựng nông thôn mới. Huy động mọi nguồn lực để thực hiện hoàn thành nhóm tiêu chí hạ tầng, kinh tế, xã hội; chú trọng triển khai đầu tư, hỗ trợ các giải pháp nâng cao thu nhập cho người dân; thực hiện tốt phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”. Phát huy vai trò, chủ thể của người dân, vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã, nhóm hộ, tổ hợp tác trong việc tham gia xây dựng nông thôn mới.

5. Tăng cường quản lý chặt chẽ thị trường, kiểm tra vệ sinh ATTP; Tiếp tục ngăn chặn, xử lý hoặc đề nghị xử lý trường hợp vi phạm về đất đai.

6. Tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp thực hiện điều hành thu - chi ngân sách; khai thác các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi ngân sách.

8. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân và y đức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ y tế. Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi.

9. Tăng cường công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm ở người và gia súc

10. Tuyên truyền vận động nhân dân giữ gìn bản sắc dân tộc, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày Lễ lớn của đất nước, tỉnh, huyện.

11. Triển khai đồng bộ các chương trình mục tiêu quốc gia gắn với các chương trình, dự án của tỉnh, huyện. Tổ chức thăm tặng quà nhân các ngày lễ, tết; giúp đỡ các đối tượng thương binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng; thường xuyên tổ chức tổng dọn vệ sinh khuôn viên nhà bia tưởng niệm của xã. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đồng bộ các chính sách an sinh xã hội.

12. Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu giảm nghèo, xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững, phù hợp với các đối tượng hộ nghèo; lựa chọn hộ nghèo có ý chí vươn lên thoát nghèo để ưu tiên phân bổ, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ, nguồn cho vay.

13. Thực hiện tốt phong trào đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động nhân đạo, từ thiện; các chính sách dân tộc. Thực hiện tốt công tác xác định đối tượng để chi trả kịp thời, đủ, đúng các chế độ chính sách đối với đối tượng BTXH, người có công với cách mạng.

14. Tổ chức có hiệu quả các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, địa phương (*tổ chức hội thi công chiêng cấp xã, đại hội thể dục thể thao cấp xã*). Chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống đài truyền thanh xã. Tăng cường đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các thiết chế văn hóa thể thao, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của Nhân dân.

15. Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ về tín dụng, y tế, giáo dục đào tạo đối với hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

16. Chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự, Công an xã duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ, bảo vệ Đảng, chính quyền ở địa phương; thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng và quản lý tốt thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự, lực lượng dự bị động viên

17. Tăng cường công tác tuyên truyền, tuần tra, kiểm tra an toàn giao thông và tình hình tạm trú trên địa bàn. Xử lý nghiêm các vụ việc xảy ra trên địa bàn.

17. Tăng cường công tác tuyên truyền, tuần tra, kiểm tra an toàn giao thông và tình hình tạm trú trên địa bàn. Xử lý nghiêm các vụ việc xảy ra trên địa bàn.

18. Duy trì và tăng cường công tác tiếp công dân định kỳ và đột xuất (nếu có), giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; nhất là các nội dung thuộc lĩnh vực đất đai.

19. Triển khai xây dựng, thực hiện một cửa điện tử; giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân. Thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các trường hợp gây nhũng nhiễu, phiền hà cho tổ chức, người dân và doanh nghiệp.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân xã theo chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các đoàn thể, vận động quần chúng, đoàn viên và hội viên tích cực thực hiện và giám sát việc thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Đăk Man khoá XV, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2023./.

#### **Nơi nhận:**

- TT HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Đại biểu HĐND huyện được bầu tại xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các ban, ngành xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Y Thương**



**CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG, QPAN NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 51/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND xã Đắk Man)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024		Phân bổ các Thôn		
			Huyện giao	Xã giao	Đông Lốc	Đông Nay	Mãng Khên
<b>A</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>						
	Tổng diện tích gieo trồng một số cây trồng chính	Ha	657.0	668.7	223.4	169.0	276.3
	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	453	453.6	152	114	188
	Trong đó: Thóc	Tấn	444	444.2	147	111	186
<b>1</b>	<b>Cây lương thực</b>	<b>Ha</b>	<b>111</b>	<b>111.1</b>	<b>37</b>	<b>28</b>	<b>46</b>
<b>1.1</b>	<b>Cây lúa cả năm</b>	<b>Ha</b>	<b>109</b>	<b>109.0</b>	<b>36</b>	<b>27</b>	<b>46</b>
	Năng suất	tạ/ha	40.8	40.8	40.7	40.8	40.7
	Sản lượng	tấn	444	444.2	147	111	186
<b>a</b>	<b>Lúa Đông Xuân</b>	<b>Ha</b>	<b>42.0</b>	<b>42.0</b>	<b>14.0</b>	<b>10.3</b>	<b>17.7</b>
	Năng suất	tạ/ha	40.0	40.0	40.0	40.2	40.0
	Sản lượng	tấn	168.2	168.2	56.0	41.4	70.8
<b>b</b>	<b>Lúa vụ mùa</b>	<b>Ha</b>	<b>67</b>	<b>67.0</b>	<b>22</b>	<b>17</b>	<b>28</b>
	Năng suất	tạ/ha	41.2	41.2	41.2	41.2	41.2
	Sản lượng	tấn	276	276.0	91	70	115
<b>*</b>	<b>Lúa ruộng</b>	<b>Ha</b>	<b>67.0</b>	<b>67.0</b>	<b>22.0</b>	<b>17.0</b>	<b>28.0</b>
	Năng suất	tạ/ha	41.2	41.2	41.2	41.2	41.2
	Sản lượng	tấn	276.0	276.0	90.6	70.0	115.4
<b>*</b>	<b>Lúa nhà thồ</b>	<b>ha</b>		0.0			
	Năng suất	tạ/ha		0.0			
	Sản lượng	tấn	0.0	0.0			
<b>1.2</b>	<b>Cây ngô cả năm</b>	<b>Ha</b>	<b>2.0</b>	<b>2.1</b>	<b>1.2</b>	<b>0.5</b>	<b>0.4</b>
	Năng suất	tạ/ha	44.3	44.5	44.6	43.9	44.8
	Sản lượng	tấn	8.9	9.3	5.4	2.2	1.8
<b>a</b>	<b>Cây ngô vụ đông xuân</b>	<b>Ha</b>	<b>0.5</b>	<b>0.5</b>	<b>0.2</b>	<b>0.20</b>	<b>0.10</b>
	Năng suất	tạ/ha	42.0	40.6	40.0	41.0	41.0
	Sản lượng	tấn	2.1	2.0	0.8	0.8	0.4
<b>b</b>	<b>Cây ngô vụ mùa</b>	<b>ha</b>	<b>1.5</b>	<b>1.6</b>	<b>1.0</b>	<b>0.3</b>	<b>0.3</b>
	Năng suất	tạ/ha	45.0	45.7	41.0	41.3	41.4
	Sản lượng	tấn	7	7.3	4.6	1.4	1.4
<b>2</b>	<b>Cây sắn</b>	<b>ha</b>	<b>100.0</b>	<b>104.0</b>	<b>52.0</b>	<b>30.0</b>	<b>22.0</b>
	Năng suất	tạ/ha	132.6	132.6	132.6	132.6	132.6
	Sản lượng	tấn	1,326	1,379.0	690	398	292
<b>3</b>	<b>Rau</b>	<b>ha</b>	<b>4.9</b>	<b>4.9</b>	<b>1.7</b>	<b>1.3</b>	<b>1.9</b>
-	Vụ Đông Xuân	ha		0.6	0.2	0.2	0.2
-	Vụ mùa	ha		4.3	1.5	1.1	1.7
<b>4</b>	<b>Cây lâu năm</b>	<b>ha</b>	<b>344.6</b>	<b>346.1</b>	<b>95.0</b>	<b>76.2</b>	<b>174.9</b>
<b>4.1</b>	<b>Cây cà phê</b>	<b>ha</b>	<b>307.9</b>	<b>307.9</b>	<b>72.0</b>	<b>70.5</b>	<b>165.4</b>
	TĐ - DT trồng mới	ha	35	35.0	6	9.0	20.0
	- DT cà phê tái canh	ha		35.0	6	9.0	20.0

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024		Phân bổ các Thôn		
			Huyện giao	Xã giao	Đông Lộc	Đông Nay	Mãng Khên
	- DT cho thu hoạch	ha	258.0	264.0	58.0	61.0	145.0
	Năng suất	tạ/ha	12.4	12.4	12.1	12.5	12.5
	Sản lượng	Tấn	320.0	327.7	70.2	76.3	181.3
4.1.1	Trong đó cà phê xứ lạnh	Ha	285.0	285.0	33.9	60.0	191.1
	Trong đó: + Diện tích trồng mới	Ha	35.0	35.0	6.0	9.0	20.0
	+ Diện tích cho thu hoạch	Ha	264.3	264.3	33.9	68.0	162.4
	Năng suất	Tạ/ha	15.5	15.5	15.5	15.5	15.5
	Sản lượng	Tấn	409.7	409.7	52.5	105.4	251.7
<b>4.2</b>	<b>Cây ăn quả</b>	<b>ha</b>	<b>17.7</b>	<b>18.2</b>	<b>8.0</b>	<b>4.7</b>	<b>5.5</b>
-	Trong đó: Diện tích rừng mới	ha	3.0	3.5	1.0	1.5	1.0
+	Sầu riêng	Ha		0.0			
+	Chuối	Ha		0.0			
+	Cây có múi	Ha	1.00	1.0		0.5	0.5
+	Dứa	Ha		0.0			
+	Chanh dây	Ha		0.0			
+	Cây ăn quả khác	Ha	2.00	2.0	0.5	0.5	1.0
<b>4.3</b>	<b>Cây mắc ca</b>	<b>ha</b>	<b>19.0</b>	<b>20.0</b>	<b>15.0</b>	<b>1.0</b>	<b>4.0</b>
	Trong đó: Diện tích rừng mới	ha	1.0	4.0	1.5	0.5	2.0
<b>5</b>	<b>Cây dược liệu</b>	<b>ha</b>	<b>96.5</b>	<b>102.6</b>	<b>37.5</b>	<b>33.70</b>	<b>31.42</b>
<b>5.1</b>	<b>Sâm Ngọc Linh</b>	<b>ha</b>	<b>2.0</b>	<b>3.1</b>	<b>0.0</b>	<b>0.70</b>	<b>2.42</b>
	Trong đó: Diện tích rừng mới	ha	0.5	1.5	0.0	0.5	1.0
	- Diện tích rừng mới của người dân	ha	0.5	3.1		0.7	2.4
<b>5.2</b>	<b>Cây dược liệu khác</b>	<b>ha</b>	<b>94.5</b>	<b>99.5</b>	<b>37.5</b>	<b>33.0</b>	<b>29.0</b>
	- Cây dược liệu hàng năm đến cuối năm 20	ha	84.5	74.9	24.0	29.5	21.4
	- Cây dược liệu hàng năm trồng năm 2024		9.6	24.6	13.5	3.5	7.6
	- Cây dược liệu lâu năm	ha	0.4	0.4	0.0	0.0	0.0
	Trong đó: DT trồng mới cây lâu năm	ha					
<b>B</b>	<b>CHĂN NUÔI</b>						
	Tổng đàn	Con	1,065	1,232	478.0	309.0	296.0
	Trâu	Con	142	160	25	43	92
	Bò	Con	552	552	282	161	109
	Lợn	Con	371	371	171	105	95
	Dê			149	149		
<b>C</b>	<b>THỦY SẢN</b>						
*	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	1.4	1.4	0.4	0.4	0.6
<b>1</b>	<b>Diện tích nuôi trồng thủy sản</b>	<b>Ha</b>	<b>1.7</b>	<b>1.7</b>	<b>0.6</b>	<b>0.3</b>	<b>0.8</b>
	Sản lượng nuôi trồng thủy sản	Tấn	0.5	0.5	0.2	0.1	0.2
1.1	Diện tích nuôi ao hồ nhỏ	Ha	1.5	1.5	0.5	0.3	0.7
1.2	Diện tích nuôi mặt nước lớn	Ha	0.2	0.2	0.1		0.1
<b>2</b>	<b>Khai thác thủy sản</b>	<b>Tấn</b>	<b>0.9</b>	<b>0.90</b>	<b>0.25</b>	<b>0.30</b>	<b>0.35</b>
<b>D</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>						
	Trồng mới rừng	Ha	12.0	20.0	8.0	5.0	7.0